10 ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT MÔN SINH 11 NĂM 2019-2020

1. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 1

TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU	ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 MÔN: SINH 11 NĂM: 2019-2020

Câu 1: Điều nào sau đây là không đúng với dạng nước tự do?

A. Là dạng nước chứa trong các khoảng gian bào.

B. Là dạng nước chứa bị hút bởi các phân tử tích điện.

C. Là dạng nước chứa trong các mạch dẫn.

D. Là dạng nước chứa trong các thành phần của tế bào.

Câu 2: Nơi nước và các chất hoà tan đi qua trước khi vào mạch gỗ của rễ là:

A. Tế bào lông hút B. Tế bào nội bì

C. Tế bào biểu bì D. Tế bào vỏ.

Câu 3: Ý nào sau đây là không đúng với sự đóng mở của khí khổng?

A. Một số cây khi thiếu nước ở ngoài sáng khí khổng đóng lại.

B. Một số cây sống trong điều kiện thiếu nước khí khổng đóng hoàn toàn vào ban ngày.

C. Ánh sáng là nguyên nhân duy nhất gây nên việc mở khí khổng.

Câu 4: Điều nào sau đây không đúng với vai trò của dạng nước tự do?

A. Tham gia vào quá trình trao đổi chất.

B. Làm giảm độ nhớt của chất nguyên sinh.

C. Giúp cho quá trình trao đổi chất diễn ra bình thường trong cơ thể.

D. Làm dung môi, làm giảm nhiệt độ khi thoát hơi nước.

Câu 5: Khi tế bào khí khổng trương nước thì:

A. Vách (mép) mỏng căng ra, vách (mép) dày co lại làm cho khí khổng mở ra.

B. Vách dày căng ra, làm cho vách mỏng căn theo nên khi khổng mở ra.

C. Vách dày căng ra làm cho vách mỏng co lại nên khí khổng mở ra.

D. Vách mỏng căng ra làm cho vách dày căng theo nên khí khổng mở ra.

Câu 6: Để tổng hợp được một gam chất khô, các cây khác nhau cần khoảng bao nhiêu gam nước?

A. Từ 100 gam đến 400 gam. B. Từ 600 gam đến 1000 gam.

C. Từ 200 gam đến 600 gam. D. Từ 400 gam đến 800 gam.

Câu 7: Cứ hấp thụ 1000 gam thì cây chỉ giữ lại trong cơ thể:

A. 60 gam nước. B. 90 gam nước.

C. 10 gam nước. D. 30 gam nước.

Câu 8: Khi tế bào khí khổng mất nước thì:

A. Vách (mép) mỏng hết căng ra làm cho vách dày duỗi thẳng nên khí khổng đóng lại.

B. Vách dày căng ra làm cho vách mỏng cong theo nên khí khổng đóng lại.

C. Vách dày căng ra làm cho vách mỏng co lại nên khí khổng đóng lại.

D. Vách mỏng căng ra làm cho vách dày duỗi thẳng nên khí khổng khép lại.

Câu 9: Đặc điểm cấu tạo của tế bào lông hút ở rễ cây là:

A. Thành tế bào mỏng, có thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

B. Thành tế bào dày, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

C. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm nhỏ.

D. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

Câu 10: Nước liên kết có vai trò:

A. Làm tăng quá trình trao đổi chất diễn ra trong cơ thể.

B. Làm giảm nhiệt độ của cơ thể khi thoát hơi nước.

C. Làm tăng độ nhớt của chất nguyên sinh.

D. Đảm bảo độ bền vững của hệ thống keo trong chất nguyên sinh của tế bào.

Câu 11: Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu:

A. Qua mạch rây theo chiều từ trên xuống.

B. Từ mạch gỗ sang mạch rây.

C. Từ mạch rây sang mạch gỗ.

D. Qua mạch gỗ.

Câu 12: Sự mở chủ động của khí khổng diễn ra khi nào?

A. Khi cây ở ngoài ánh sáng

B. Khi cây thiếu nước.

C. Khi lượng axit abxixic (ABA) tăng lên.

D. Khi cây ở trong bóng râm.

Câu 13: Lực đóng vai trò chính trong quá trình vận chuyển nước ở thân là:

A. Lực đẩy của rễ (do quá trình hấp thụ nước).

B. Lực hút của lá do (quá trình thoát hơi nước).

C. Lực liên kết giữa các phân tử nước.

D. Lực bám giữa các phân tử nước với thành mạch dẫn.

Câu 14: Đặc điểm cấu tạo nào của khí khổng thuận lợi cho quá trình đóng mở?

A. Mép (Vách)trong của tế bào dày, mép ngoài mỏng.

B. Mép (Vách)trong và mép ngoài của tế bào đều rất dày.

C. Mép (Vách)trong và mép ngoài của tế bào đều rất mỏng.

D. Mép (Vách)trong của tế bào rất mỏng, mép ngoài dày.

Câu 15: Sự đóng chủ động của khí khổng diễn ra khi nào?

A. Khi cây ở ngoài sáng.

B. Khi cây ở trong tối.

C. Khi lượng axit abxixic (ABA) giảm đi.

D. Khi cây ở ngoài sáng và thiếu nước.

ĐÁP ÁN

Câu 1: b/ Là dạng nước chứa bị hút bởi các phân tử tích điện.

Câu 2: c/ Tế bào biểu bì

Câu 3: c/ Ánh sáng là nguyên nhân duy nhất gây nên việc mở khí khổng.

Câu 4: b/ Làm giảm độ nhớt của chất nguyên sinh.

Câu 5: d/ Vách mỏng căng ra làm cho vách dày căng theo nên khí khổng mở ra.

Câu 6: c/ Từ 200 gam đến 600 gam.

Câu 7: c/ 10 gam nước.

Câu 8: a/ Vách (mép) mỏng hết căng ra làm cho vách dày duỗi thẳng nên khí khổng đóng lại.

Câu 9: d/ Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

Câu 10: d/ Đảm bảo độ bền vững của hệ thống keo trong chất nguyên sinh của tế bào.

Câu 11: d/ Qua mạch gỗ.

Câu 12: a/ Khi cây ở ngoài ánh sáng

Câu 13: b/ Lực hút của lá do (quá trình thoát hơi nước).

Câu 14: a/ Mép (Vách) trong của tế bào dày, mép ngoài mỏng.

Câu 15: d/ Khi cây ở ngoài sáng và thiếu nước.

2. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 2

Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm **KIỂM TRA 15 PHÚT – NH:2019 - 2020**

Tổ Sinh - CN **Môn : Sinh học 11 – HỌC KÌ 1**

Câu 1: Phân biệt quang hợp ở thực vật C_3 và CAM về: chất nhận CO_2, sản phẩm ổng định đầu tiên, không gian, thời gian và năng suất sinh học?

Câu 2: Ánh sáng ảnh hưởng đến quang hợp như thế nào? Ứng dụng của ánh sáng trong trồng trọt?

ĐÁP ÁN

Câu 1:

	Thực vật C_3	**Thực vật CAM**
Chất nhận CO_2 đầu tiên	RiDP	PEP
Sản phẩm cố định đầu tiên	APG	AOA → Axit malic
Thời gian cố định	Ban ngày	Cố định CO_2 ban đêm, khử CO_2 ban ngày
Không gian	trong lục lạp của mô giậu.	trong lục lạp của mô giậu.
Năng suất sinh học	Trung bình	Thấp

Câu 2:

Cường độ ánh sáng:

- Điểm bù áng sáng: Cường độ AS tối thiểu để (QH) = cường độ hô hấp (HH).
- Điểm bảo hòa ánh sáng: Cường độ AS tối đa để cường độ quang hợp đạt cực đại.
- Khi nồng độ CO_2 tăng, cường độ ánh sáng tăng → thì cường độ quang hợp cũng tăng.

Quang phổ ánh sáng:

- QH diễn ra mạnh ở vùng tia đỏ và tia xanh tím.

+ Tia xanh tím kích thích sự tổng hợp các aa, prôtêin

+Tia đỏ xúc tiến quá trình hình thành cacbohidrat.

Ứng dụng:

- Cần chọn tổ hợp cây trồng phù hợp để trồng xen kẽ.
- Cần bố trí thời vụ, mật độ thích hợp để có cường độ ánh sáng và thành phần quang phổ thích hợp
- Sử dụng ánh sáng nhân tạo trồng cây trong nhà kính.

3. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 3

Câu 1: Các giai đoạn của hô hấp tế bào diễn ra theo trật tự nào?

A. Chu trình crep -> Đường phân -> Chuỗi chuyền êlectron hô hấp.

B. Đường phân -> Chuỗi chuyền êlectron hô hấp -> Chu trình crep.

C. Đường phân -> Chu trình crep -> Chuỗi chuyền êlectron hô hấp.

D. Chuỗi chuyền êlectron hô hấp -> Chu trình crep -> Đường phân

Câu 2: Phân giải kị khí (lên men) từ axit piruvic tạo ra:

A. Chỉ rượu êtylic.

B. Rượu êtylic hoặc axit lactic.

C. Chỉ axit lactic.

D. Đồng thời rượu êtylic axit lactic

Câu 3: Các nguyên tố đại lượng gồm:

A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.

B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn.

D. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Cu.

Câu 4: Về bản chất pha sáng của quá trình quang hợp là:

A. Pha ôxy hoá nước để sử dụng H^+, CO_2 và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2vào khí quyển.

B. Pha ôxy hoá nước để sử dụng H^+ và điện tử cho việc hình thành ADP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

C. Pha ôxy hoá nước để sử dụng H+ và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

D. Pha khử nước để sử dụng H^+ và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

Câu 5: Thực vật chỉ hấp thu được dạng nitơ trong đất bằng hệ rễ là:

A. Dạng nitơ tự do trong khí quyển (N2).

B. Nitơ nitrat (NO), nitơ amôn (NH).

C. Nitơnitrat (NO).

D. Nitơ amôn (NH).

Câu 6: Lực đóng vai trò chính trong quá trình vận chuyển nước ở thân là:

A. Lực đẩy của rễ (do quá trình hấp thụ nước).

B. Lực hút của lá do (quá trình thoát hơi nước).

C. Lực liên kết giữa các phân tử nước.

D. Lực bám giữa các phân tử nước với thành mạch dẫn.

Câu 7: Trật tự các giai đoạn trong chu trình canvin là:

A. Khử APG thành ALPG → cố định CO_2 → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtphat)

B. Cố định CO_2 → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtphat) → khử APG thành ALPG

C. Khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtphat) → cố định CO_2

D. Cố định CO_2 → khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtphat) → cố định CO_2

Câu 8: Khi được chiếu sáng, cây xanh giải phóng ra khí O_2. Các phân tử O_2 đó được bắt nguồn từ:

A. Sự khử CO_2.

B. Sự phân li nước.

C. Phân giải đường

D. Quang hô hấp.

Câu 9: Điều kiện nào dưới đây không đúng để quá trình cố định nitơ trong khí quyển xảy ra?

A. Có các lực khử mạnh.

B. Có sự tham gia của enzim nitrôgenaza

C. Được cung cấp ATP.

D. Thực hiện trong điều kiện hiếu khí.

Câu 10: Các tia sáng tím kích thích:

A. Sự tổng hợp cacbohiđrat.

B. Sự tổng hợp lipit.

C. Sự tổng hợp ADN.

D. Sự tổng hợp prôtêin.

Câu 11: Độ ẩm đất liên quan chặt chẽ đến quá trình hấp thụ nước của rễ như thế nào?

A. Độ ẩm đất khí càng thấp, sự hấp thụ nước càng lớn.

B. Độ đất càng thấp, sự hấp thụ nước bị ngừng.

C. Độ ẩm đất càng cao, sự hấp thụ nước càng lớn.

D. Độ ẩm đất càng cao, sự hấp thụ nước càng ít.

Câu 12: Nơi nước và các chất hoà tan đi qua trước khi vào mạch gỗ của rễ là:

A. Tế bào lông hút

B. Tế bào nội bì

C. Tế bào biểu bì

D. Tế bào vỏ.

Câu 13: Hô hấp ánh sáng xảy ra với sự tham gia của 3 bào quan:

A. Lục lạp, lozôxôm, ty thể.

B. Lục lạp Perôxixôm, ty thể.

C. Lục lạp, bộ máy gôn gi, ty thể

D. Lục lạp, Ribôxôm, ty thể

Câu 14: Giai đoạn đường phân diễn ra ở trong:

A. Ty thể.

B. Tế bào chất.

C. Lục lạp.

D. Nhân.

Câu 15: Sản phẩm quang hợp đầu tiên của chu trình C4 là:

A. APG (axit phốtphoglixêric).

B. ALPG (anđêhit photphoglixêric).

C. AM (axitmalic).

D. Một chất hữu cơ có 4 các bon trong phân tử (axit ôxalô axêtic – AOA).

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
A	C	A	A	A
6	7	8	9	10
A	B	B	C	B
11	12	13	14	15
B	D	C	C	C

4. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 4

TRƯỜNG THPT NGUYỄN BÁ NGỌC

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT SINH 11

NĂM: 2019-2020

Thời gian: 15 phút

Câu 1: Chức năng nào sau đây không đúng với răng của thú ăn cỏ?

A. Răng cửa giữ và giật cỏ.

B. Răng nanh nghiền nát cỏ.

C. Răng cạnh hàm và răng hàm có nhiều gờ cứng giúp nghiền nát cỏ.

D. Răng nanh giữ và giật cỏ.

Câu 2: Ở động vật chưa có túi tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá như thế nào?

A. Tiêu hóa ngoại bào.

B. Tiêu hoá nội bào.

C. Tiêu hóa ngoại bào tiêu hoá nội bào.

D. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 3: Ý nào dưới đây không đúng với cấu tạo của ống tiêu hoá ở người?

A. Trong ống tiêu hoá của người có ruột non.

B. Trong ống tiêu hoá của người có thực quản.

C. Trong ống tiêu hoá của người có dạ dày.

D. Trong ống tiêu hoá của người có diều.

Câu 4: Ý nào dưới đây không đúng với sự tiêu hoá thức ăn trong các bộ phận của ống tiêu hoá ở người?

A. Ở ruột già có tiêu hoá cơ học và hoá học.

B. Ở dạ dày có tiêu hoá cơ học và hoá học.

C. Ở miệng có tiêu hoá cơ học và hoá học.

D. Ở ruột non có tiêu hoá cơ học và hoá học.

Câu 5: Sự tiêu hoá thức ăn ở thú ăn cỏ như thế nào?

A. Tiêu hoá hoá và cơ học.

B. Tiêu hoá hoá, cơ học và nhờ vi sinh vật cộng sinh.

C. Chỉ tiêu hoá cơ học.

D. Chỉ tiêu hoá hoá học.

Câu 6: Chức năng nào sau đây không đúng với răng của thú ăn thịt?

A. Răng cửa gặm và lấy thức ăn ra khỏi xương

B. Răng cửa giữ thức ăn.

C. Răng nanh cắn và giữ mồi.

D. Răng cạnh hàm và răng ăn thịt lớn cắt thịt thành những mảnh nhỏ.

Câu 7: Sự tiêu hoá thức ăn ở thú ăn thịt như thế nào?

A. Tiêu hoá hoá.

B. Chỉ tiêu hoá cơ học.

C. Chỉ tiêu hoá và cơ học.

D. Tiêu hoá hoá học và nhờ vi sinh vật cộng sinh.

Câu 8: Đặc điểm nào dưới đây không có ở thú ăn thịt.

A. Dạ dày đơn.

B. Ruột ngắn.

C. Thức ăn qua ruột non trải qua tiêu hoá cơ học, hoá học và được hấp thụ.

D. Manh tràng phát triển.

Câu 9: Diều ở các động vật được hình thành từ bộ phận nào của ống tiêu hoá?

A. Diều được hình thành từ tuyến nước bọt.

B. Diều được hình thành từ khoang miệng.

C. Diều được hình thành từ dạ dày.

D. Diều được hình thành từ thực quản.

Câu 10: Dạ dày ở những động vật ăn thực vật nào có 4 ngăn?

A. Ngựa, thỏ, chuột, trâu, bò. B. Ngựa, thỏ, chuột.

C. Ngựa, thỏ, chuột, cừu, dê. D. Trâu, bò cừu, dê.

Câu 11: Ý nào dưới đây không đúng với ưu thế của ống tiêu hoá so với túi tiêu hoá?

A. Dịch tiêu hoá không bị hoà loãng.

B. Dịch tiêu hoá được hoà loãng.

C. Ống tiêu hoá được phân hoá thành các bộ phận khác nhau tạo cho sự chuyển hoá về chức năng.

D. Có sự kết hợp giữa tiêu hoá hoá học và cơ học.

Câu 12: Ở động vật có ống tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá như thế nào?

A. Tiêu hóa ngoại bào.

B. Tiêu hoá nội bào.

C. Tiêu hóa ngoại bào tiêu hoá nội bào.

D. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 13: Đặc điểm nào dưới đây không có ở thú ăn cỏ?

A. Dạ dày 1 hoặc 4 ngăn. B. Ruột dài.

C. Manh tràng phát triển. D. Ruột ngắn.

Câu 14: Đặc điểm tiêu hoá ở thú ăn thịt là:

A. Vừa nhai vừa xé nhỏ thức ăn.

B. Dùng răng xé nhỏ thức ăn rồi nuốt.

C. Nhai thức ăn trước khi nuốt.

D. Chỉ nuốt thức ăn.

Câu 15: Quá trình tiêu hoá ở động vật có túi tiêu hoá chủ yếu diễn ra như thế nào?

A. Thức ăn được tiêu hoá nội bào nhờ enzim thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

B. Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào nhờ sự co bóp của khoang túi mà chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản.

C. Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào (nhờ enzim thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi) và nội bào.

D. Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào nhờ enzim thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi.

ĐÁP ÁN

Câu 1: b/ Răng nanh nghiền nát cỏ.

Câu 2: c/ Tiêu hóa ngoại bào tiêu hoá nội bào.

Câu 3: d/ Trong ống tiêu hoá của người có diều.

Câu 4: a/ Ở ruột già có tiêu hoá cơ học và hoá học.

Câu 5: b/ Tiêu hoá hoá, cơ học và nhờ vi sinh vật cộng sinh.

Câu 6: b/ Răng cửa giữ thức ăn.

Câu 7: c/ Chỉ tiêu hoá và cơ học.

Câu 8: d/ Manh tràng phát triển.

Câu 9: d/ Diều được hình thành từ thực quản.

Câu 10: d/ Trâu, bò cừu, dê.

Câu 11: b/ Dịch tiêu hoá được hoà loãng.

Câu 12: a/ Tiêu hóa ngoại bào.

Câu 13: d/ Ruột ngắn.

Câu 14: b/ Dùng răng xé nhỏ thức ăn rồi nuốt.

Câu 15: c/ Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào (nhờ enzim thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi) và nội bào.

5. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 5

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT SINH 11

NĂM: 2019-2020

Thời gian: 15 phút

Câu 1: Ý nào dưới đây không đúng với hiệu quả trao đổi khí ở động vật?

A. Có sự lưu thông khí tạo ra sự cân bằng về nồng độ khí O_2 và CO_2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

B. Có sự lưu thông khí tạo ra sự chênh lệch về nồng độ khí O_2 và CO_2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

C. Bề mặt trao đổi khí mỏng và ẩm ướt giúp O_2 và CO_2 dễ dàng khuếch tán qua.

D.Bề mặt trao đổi khí rộng và có nhiều mao mạch và máu có sắc tố hô hấp.

Câu 2: Các loại thân mềm và chân khớp sống trong nước có hình thức hô hấp như thế nào?

A. Hô hấp bằng phổi. B. Hô hấp bằng hệ thống ống khí.

C. Hô hấp qua bề mặt cơ thể. D. Hô hấp bằng mang.

Câu 3: Côn trùng có hình thức hô hấp nào?

A. Hô hấp bằng hệ thống ống khí. B. Hô hấp bằng mang.

C. Hô hấp bằng phổi. D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 4: Sự tiêu hoá thức ăn ở dạ dày cỏ diễn ra như thế nào?

A. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

B. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzim tiêu hoá xellulôzơ.

C. Tiết pépin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

D. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

Câu 5: Hô hấp ngoài là:

A. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí chỉ ở mang.

B. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí ở bề mặt toàn cơ thể.

C. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí chỉ ở phổi.

D. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí của các cơ quan hô hấp như phổi, da, mang…

Câu 6: Ý nào dưới đây không đúng với đặc điểm của gia giun đất thích ứng với sự trao đổi khí?

A. Tỷ lệ giữa thể tích cơ thể và diện tích bề mặt cơ thể khá lớn.

B. Da luôn ẩm giúp các khí dễ dàng khuếch tán qua.

C. Dưới da có nhiều mao mạch và có sắc tố hô hấp.

D. Tỷ lệ giữa diện tích bề mặt cơ thể và thể tích cơ thể (s/v)khá lớn.

Câu 7: Bộ hàm và độ dài ruột ở động vật ăn tạp khác gì so với động vật ăn thịt?

A. Răng nanh và răng hàm trước không sắc nhọn bằng và ruột dài hơn.

B. Răng nanh và răng hàm trước sắc nhọn và ruột ngắn hơn.

C. Răng nanh và răng trước hàm không sắc nhọn bằng và ruột ngắn hơn.

D. Răng nanh và răng trước hàm sắc nhọn hơn và ruột dài hơn.

Câu 8: Hô hấp là:

A. Tập hợp những quá trình, trong đó cơ thể lấy O_2 từ môi trường ngoài vào để khử các chất trong tế bào và giải phóng năng lượng cho hoạt động sống, đồng thời thải CO_2 ra bên ngoài.

B. Tập hợp những quá trình, trong đó cơ thể lấy CO_2 từ môi trường ngoài vào để ô xy hoá các chất trong tế bào và giải phóng năng lượng cho hoạt động sống, đồng thời thải O_2 ra bên ngoài.

C. Tập hợp những quá trình, trong đó cơ thể lấy O_2 từ môi trường ngoài vào để ô xy hoá các chất trong tế bào và tích luỹ năng lượng cho hoạt động sống, đồng thời thải CO_2 ra bên ngoài.

Câu 9: Động vật đơn bào hay đa bào có tổ chức thấp (ruột khoang, giun tròn, giun dẹp) có hình thức hô hấp như thế nào?

A. Hô hấp bằng mang. B. Hô hấp bằng phổi.

C. Hô hấp bằng hệ thốnh ống khí. D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 10: Sự tiêu hoá ở dạ dày múi khế diễn ra như thế nào?

A. Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

B. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

C. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzim tiêu hoá xellulôzơ.

D. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

Câu 11: Ý nào dưới đây không đúng với sự trao đổi khí qua da của giun đất?

A. Quá trình khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự chênh lệch về phân áp giữa O_2 và CO_2.

B. Quá trình chuyển hoá bên trong cơ thể luôn tiêu thụ O_2 làm cho phân áp O2 trong cơ thể luôn bé hơn bên ngoài.

C. Quá trình chuyển hoá bên trong cơ thể luôn tạo ra CO_2 làm cho phân áp CO2 bên trong tế bào luôn cao hơn bên ngoài.

D. Quá trình khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự cân bằng về phân áp O_2 và CO_2.

Câu 12: Khi cá thở ra, diễn biến nào sau đay đúng?

A. Cửa miệng đóng, thềm miệng nâng lên, nắp mang mở.

B. Cửa miệng đóng, thềm miệng nâng lên, nắp mang đóng.

C. Cửa miệng đóng, thềm miệng hạ xuống, nắp mang mở.

D. Cửa miệng đóng, thềm miệng nâng lên, nắp mang đóng.

Câu 13: Vì sao lưỡng cư sống đước nước và cạn?

A. Vì nguồn thức ăn ở hai môi trường đều phong phú.

B. Vì hô hấp bằng da và bằng phổi.

C. Vì da luôn cần ẩm ướt.

D. Vì chi ếch có màng, vừa bơi, vừa nhảy được ở trên cạn.

Câu 14: Sự thông khí trong các ống khí của côn trùng thực hiện được nhờ:

A. Sự co dãn của phần bụng. B. Sự di chuyển của chân.

C. Sự nhu động của hệ tiêu hoá. D. Vận động của cánh.

Câu 15: Vì sao ở cá, nước chảy từ miệng qua mang theo một chiều?

A. Vì quá trình thở ra và vào diễn ra đều đặn.

B. Vì cửa miệng thềm miệng và nắp mang hoạt động nhịp nhàng.

C. Vì nắp mang chỉ mở một chiều.

D. Vì cá bơi ngược dòng nước.

Câu 16: Cơ quan hô hấp của nhóm động vật nào trao đổi khí hiệu quả nhất?

A. Phổi của bò sát. B. Phổi của chim.

C. Phổi và da của ếch nhái. D. Da của giun đất.

Câu 17: Vì sao mang cá có diện tích trao đổi khí lớn?

A. Vì có nhiều cung mang.

B. Vì mang có nhiều cung mang và mỗi cung mang gồm nhiều phiến mang.

C. Vì mang có kích thước lớn.

D. Vì mang có khả năng mở rộng.

Câu 18: Phổi của chim có cấu tạo khác với phổi của các động vật trên cạn khác như thế nào?

A. Phế quản phân nhánh nhiều. C. Có nhiều phế nang.

B. Khí quản dài. D. Có nhiều ống khí.

Câu 19: Sự lưu thông khí trong các ống khí của chim thực hiện nhờ

A. Sự co dãn của phần bụng. B. sự vận động của cánh.

C. Sự co dãn của túi khí. D. sự di chuyển của chân.

Câu 20: Khi cá thở vào, diễn biến nào dưới đây đúng?

A. Cửa miệng mở ra, thềm miệng hạ thấp xuống, nắp mang mở.

B. Cửa miệng mở ra, thềm miệng nâng cao lên, nắp mang đóng.

C. Cửa miệng mở ra, thềm miệng hạ thấp xuống, nắp mang đóng.

D. Cửa miệng mở ra, thềm miệng nâng cao lên, nắp mang mở.

ĐÁP ÁN

Câu 160: a/ Có sự lưu thông khí tạo ra sự cân bằng về nồng độ khí O_2 và CO_2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

Câu 161: d/ Hô hấp bằng mang.

Câu 162: a/ Hô hấp bằng hệ thống ống khí.

Câu 163: b/ Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzim tiêu hoá xellulôzơ.

Câu 164: d/ Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí của các cơ quan hô hấp như phổi, da, mang…

Câu 165: a/ Tỷ lệ giữa thể tích cơ thể và diện tích bề mặt cơ thể khá lớn.

Câu 166: a/ Răng nanh và răng hàm trước không sắc nhọn bằng và ruột dài hơn.

Câu 167: b/ Tập hợp những quá trình, trong đó cơ thể lấy CO_2 từ môi trường ngoài vào để ô xy hoá các chất trong tế bào và giải phóng năng lượng cho hoạt động sống, đồng thời thải O_2 ra bên ngoài.

Câu 168: d/ Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 169: a/ Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

Câu 170: d/ Quá trình khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự cân bằng về phân áp O_2 và CO_2.

Câu 171: a/ Cửa miệng đóng, thềm miệng nâng lên, nắp mang mở.

Câu 172: b/ Vì hô hấp bằng da và bằng phổi.

Câu 173: a/ Sự co dãn của phần bụng.

Câu 174: b/ Vì cửa miệng thềm miệng và nắp mang hoạt động nhịp nhàng.

Câu 175: b/ Phổi của chim.

Câu 176: b/ Vì mang có nhiều cung mang và mỗi cung mang gồm nhiều phiến mang.

Câu 177: d/ Có nhiều ống khí.

Câu 178: c/ sự co dãn của túi khí.

Câu 179: c/ Cửa miệng mở ra, thềm miệng hạ thấp xuống, nắp mang đóng.

6. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 6

Câu 1 (3đ): Trình bày cấu tạo, thành phần và động lực của dòng mạch rây?

Câu 2 (2d): Em hãy giải thích nguyên nhân của hiện tượng "Ứ giọt trên lá"?

Câu 3: (5d): Trình bày cơ chế hấp thụ ion khoáng từ đất vào rễ?

ĐÁP ÁN

Câu 1:

- Cấu tạo của mạch rây:

+ Mạch rây gồm các tế bào sống là ống rây và tế bào kèm.

- Thành phần của dịch mạch rây:

+ Chủ yếu là đường saccarozơ, các axít amin, hoocmon thực vật, một số hợp chất hữu cơ khác (như ATP), một số ion khoáng được sử dụng lại, đặc biệt rất nhiều kali.

- Động lực của dòng mạch rây:

+ Là sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn (lá) và cơ quan chứa (rễ, củ, quả …)

+ Mạch rây nối các tế bào của cơ quan nguồn với các tế bào của cơ quan chứa giúp dòng mạch rây chảy từ nơi có áp suất thẩm thấu cao đến nơi có áp suất thẩm thấu thấp

Câu 2:

- Nước luôn được vận chuyển theo mạch gỗ lên lá và 1 phần nước thoát ra ngoài lá dưới dạng hơi nước.

- Nhưng qua những đêm ẩm ướt, độ ẩm không khí tương đối cao gây bão hoà hơi nước, không thể hình thành hơi nước thoát ra ngoài không khí như ban ngày.

"Do đó, nước ứ thành giọt ở rìa lá, nơi có khí khổng.

Câu 3:

*** Hấp thụ nước và ion khoáng từ đất vào tế bào lông hút:**

- *Hấp thụ nước*

+ Sự xâm nhập của nước từ đất vào tế bào lông hút theo cơ chế thụ động (cơ chế thẩm thấu): nước di chuyển từ môi trường nhược trương (ít ion khoáng, nhiều nước) sang môi trường ưu trương (nhiều ion khoáng, ít nước)

+ Dịch của tế bào rễ là ưu trương so với dung dịch đất là do 2 nguyên nhân:

- Quá trình thoát hơi nước ở lá đóng vai trò như cái bơm hút
- Nồng độ các chất tan cao do được sinh ra trong quá trình chuyển hoá vật chất

- *Hấp thụ ion khoáng*

+ Các ion khoáng xâm nhập vào tế bào rễ cây theo 2 cơ chế:

- Cơ chế thụ động: một số ion khoáng đi từ đất vào tế bào lông hút theo cơ chế thụ động (đi từ nơi có nồng độ cao sang nơi có nồng độ thấp)
- Cơ chế chủ động: một số ion khoáng mà cây có nhu cầu cao (ion kali) di chuyển ngược chiều gradien nồng độ, xâm nhập vào rễ theo cơ chế chủ động, đòi hỏi phải tiêu tốn năng lượng.

*** Dòng nước và ion khoáng đi từ đất vào mạch gỗ của rễ:**

- Theo 2 con đường: gian bào và tế bào chất.

+ Con đường gian bào: đi theo không gian giữa các tế bào và các bó sợi xenlulôzơ bên trong thành tề bào. Con đường này đi đến nội bì đai Caspari (đai này điều chỉnh dòng vận chuyển vào trung trụ)

+ Con đường tế bào chất: đi xuyên qua tế bào chất của các tế bào.

7. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 7

TRƯỜNG THPT TAM DƯƠNG

KIỂM TRA 15 PHÚT SINH 11

NĂM: 2019-2020

THỜI GIAN: 15 PHÚT

Số câu: 22 câu trắc nghiệm

1.	*Hệ tuần hoàn được cấu tạo từ các bộ phận chính nào* A. Tim và hệ mạch B. Tim, máu và hệ mạch C. Tim, dịch tuần hoàn và hệ mạch D. Tim, động mạch, tĩnh mạch và dịch tuần hoàn	C
2.	*Động vật đơn bào trao đổi chất qua* A. Hệ tuần hoàn đơn B. Hệ tuần hoàn kín C. Hệ tuần hoàn hở D. Bề mặt cơ thể	D
3.	*Chức năng chính của hệ tuần hoàn là:* A. Vận chuyển máu từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho các hoạt động sống của cơ thể B. Vận chuyển chất từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho các hoạt động sống của cơ thể	B

	C. Vận chuyển dinh dưỡng từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho các hoạt động sống của cơ thể D. Vận chuyển oxi từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho các hoạt động sống của cơ thể	
4.	*Hệ tuần hoàn hở có ở các loài động vật* A. Các loài động vật sống dưới nước B. Các ngành động vật không xương sống C. Ngành chân khớp, thân mềm và các ngành giun D. Ngành chân khớp và thân mềm	D
5.	*Hệ tuần hoàn của giun đốt thuộc loại hệ tuần hoàn nào?* A. Hệ tuần hoàn kín B. Hệ tuần hoàn hở C. Chưa có hệ tuần hoàn riêng biệt D. Tuỳ từng loài giun cụ thể	A
6.	*Tại sao hệ tuần hoàn của cá chép được gọi là hệ tuần hoàn đơn* A. Vì tim cá chép chỉ có 1 ngăn B. Vì hệ tuần hoàn của ác chép chỉ gồm 1 vòng tuần hoàn C. Vì hệ mạch của cá chép chỉ gồm 1 loại mạch (mao mạch) D. Vì hệ mạch của cá chép chỉ gồm 1 loại mạch (động mạch)	B
7.	*Nhóm động vật nào sau đây có máu đi nuôi cơ thể là máu pha* A. Cá chép, ếch, thằn lằn, bồ câu B. Cá chép, cá sấu, bồ câu, thỏ C. Ếch, cóc, nhái, cá sấu D. Ếch, cóc, nhái, rắn	D
8.	*Nhóm động vật nào sau đây có máu đi nuôi cơ thể là máu giàu oxi* A. Cá chép, ếch, thằn lằn, bồ câu B. Cá chép, cá sấu, bồ câu, thỏ C. Ếch, cóc, nhái, cá sấu D. Ếch, cóc, nhái, rắn	B
9.	*Tim có thể hoạt động trong môi trường nào?* A. Chỉ trong môi trường cơ thể	C

www.eLib.vn

	B. Trong môi trường có đủ oxi và dinh dưỡng C. Trong môi trường có đủ oxi, dinh dưỡng và nhiệt độ thích hợp D. Trong bất kì môi trường nào	
10.	*Tim co dãn tự động theo chu kì nhờ* A. Hệ dẫn truyền tim B. Nút xoang nhĩ C. Bó His D. Mạng Puôckin	A
11.	*Ở trạng thái bình thường, một chu kì của quả tim dài* A. 0,1 s B. 0,3 s C. 0,4 s D. 0,8 s	D
12.	*Ở trạng thái bình thường, thời gian làm việc của tim trong một chu kì là* A. 0,1 s B. 0,3 s C. 0,4 s D. 0,8 s	C
13.	*Ở trạng thái bình thường, thời gian làm việc của tâm thất trong một chu kì là* A. 0,1 s B. 0,3 s C. 0,4 s D. 0,8 s	B
14.	*Ở trạng thái bình thường, thời gian làm việc của tâm nhĩ trong một chu kì là* A. 0,1 s B. 0,3 s C. 0,4 s D. 0,8 s	A
15.	*Huyết áp là gì?* A. Là áp lực máu tác dụng lên thành mạch B. là áp lực máu tác dụng lên thành quả tim	A

www.eLib.vn

	C. Là áp lực máu tác dụng lên thành quả tim và thành mạch D. Là tổng áp lực bên trong và bên ngoài tác dụng lên thành mạch	
16.	*Huyết áp ở đâu là lớn nhất?* A. Động mạch B. Mao mạch C. Tĩnh mạch D. Như nhau trên toàn hệ mạch	A
17.	*Huyết áp ở đâu là nhỏ nhất?* A. Động mạch B. Mao mạch C. Tĩnh mạch D. Như nhau trên toàn hệ mạch	C
18.	*Huyết áp tâm thu ở người bình thường có giá trị khoảng* A. 70-80 mmHg B. 80-100 mmHg C. 110-120 mmHg D. 160-180 mmHg	C
19.	*Huyết áp tâm trương ở người bình thường có giá trị khoảng* A. 70-80 mmHg B. 80-100 mmHg C. 110-120 mmHg D. 160-180 mmHg	A
20.	*Van một chiều có ở* A. Tim B. Động mạch C. Mao mạch D. Tĩnh mạch	D
21.	*Đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín của động vật là* A. Tim -> Mao mạch ->Tĩnh mạch -> Động mạch -> Tim B. Tim -> Động mạch -> Mao mạch ->Tĩnh mạch -> Tim C. Tim -> Động mạch -> Tĩnh mạch -> Mao mạch -> Tim	B

www.eLib.vn

	D. Tim -> Tĩnh mạch -> Mao mạch -> Động mạch -> Tim	
22.	*Thói quen nào sau đây dẫn đến tăng huyết áp* A. Tập thể dục buổi sáng B. Ăn cay C. Ăn mặn D. Thường xuyên vận động với cường độ vừa phải	C

8. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 8

SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG

TRƯỜNG THPT NAM SÁCH II

KIỂM TRA 15 PHÚT MÔN SINH - LỚP 11 CƠ BẢN

Thời gian: 15 phút

1/ Cơ chế nào dưới đây hút nước từ đất vào tế bào

a. bán chủ động **b**. theo cơ chế thụ động

c. bán thụ động **d**. chủ động

2/ Cơ chế nào dưới đây hút ion khoáng từ đất vào tế bào

a. các ion khoáng xâm nhập và rễ cây theo cơ chế thụ động

b. các ion khoáng xâm nhập và rễ cây theo cơ chế chủ động

c. các ion khoáng xâm nhập và rễ cây theo cơ chế thụ động và chủ động

d. các ion khoáng xâm nhập và rễ cây theo cơ chế bán thụ động và chủ động

3/ Nước xâm nhập từ đất vào rễ cây theo cơ chế nào?

a. nhờ cơ chế bán thẩm thấu

b. nhờ sự thoát hơi nước của lá

c. thẩm thấu: từ đất vào rễ cây nhờ sự thoát hơi nước của lá và hoạt động trao đổi chất

d. hoạt động trao đổi chất

4/ vai trò của dòng mạch gỗ là vận chuyển

a. nước và ion khoáng từ tế bào quang hợp nơi cần sử dụng hoặc dự trữ

b. các chất hữu cơ từ đất mạch gỗ lá và các phần khác của cây

c. các chất hữu cơ từ tế bào quang hợp nơi cần sử dụng hoặc dự trữ

d. nước và ion khoáng từ đất mạch gỗ lá và các phần khác của cây

5/ Dòng mạch gỗ liên tục trong cây đảm bảo nhờ

a. lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau

b. lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau, với thành mạch gỗ

c. lực Vanđecvan

d. lực liên kết giữa các phân tử nước với thành mcạh gỗ

6/ Mạch gỗ được cấu tạo từ

a. mạch ống và mạch rây **b**. biểu bì và quản bào

c. quản bào và mạch ống **d**. quản bào, tế bào kèm

7/ Đặc điểm những tế bào cấu tạo mạch gỗ

a. tế bào có lớp xenlulozơ cứng chắc **b**. tế bào sống

c. tế bào có độ xốp cao **d**. tế bào chết

8/ Bón phân hợp lý cho cây trồng phụ thuộc vào:

a. lượng phân bón hợp lí, loại phân bón, thời kì bón phân

b. lượng phân bón hợp lí, loại phân bón, cách bón phân

c. lượng phân bón hợp lí, loại phân bón, thời kì bón phân và cách bón phân

d. loại phân bón, thời kì bón phân và cách bón phân

9/ Quá trình chuyển hoá muối khoáng từ dạng không tan thành dạng tan chịu ảnh hưởng của

a. vi sinh vật **b**. lượng O_2

c. nhiệt độ **d**. cấu trúc của đất

10/ thời kì bón phân hợp lí phải căn cứ vào:

a. hình dạng và máu sắc của lá

b. sự ra hoa kết hạt

c. hình dạng và màu sắc của hoa

d. hình dạng và máu sắc của cây

11/ Dấu hiệu quan trọng để nhận biết hiện tượng thiếu các nguyên tố dinh dưỡng

a. hình dạng cây

b. màu đất

c. ánh sáng và màu sắc lá

d. máu nước

12/ Câu nào sau đây là sai khi nói về quá trình khử NO_3 ($NO_3^- \rightarrow NH_4^+$)

a. thực hiện nhờ enzim nitrogenaza

b. bao gồm các phản ứng khử NO_3^- thành NO_2^- và NO_2^- thành NH_4^+

c. Fe và Mo hoạt hoá các enzim xúc tác

d. thực hiện ở trong cây

13/ Khi nhiệt độ cao, chất nguyên sinh bị phân huỷ giải phóng NH_3 gây độc cho tế bào, quá trình nào sau đây khử độc cho tế bào

a. khử nitrat **b**. chuyển vị amin

c. amin hoá **d**. hình thành amit

14/ Sắc tố nào sau đây tham gia trực tiếp vào chuyển hoá quang năng thành hoá năng trong sản phẩm quang hợp ở cây xanh

a. diệp lục b **b**. diệp lục a, b, carôtenôit

c. diệp lục a **d**. diệp lục a, b

15/ Sinh vật **không** có khả năng cố định nitơ phân tử

a. vi khuẩn lam có nhiều ở ruộng lúa

b. vi khuẩn lam cộng sinh với bèo hoa dâu

c. trùng roi cộng sinh trong ruột mối

d. vi khuẩn tạo nốt sần ở rễ cây họ đậu

ĐÁP ÁN

1b 2c 3c 4d 5b 6c 7d 8c

9d 10a 11c 12a 13d 14c 15c

9. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 9

TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT

MÔN: SINH 11

NĂM: 2019-2020

Thời gian: 15 phút

Câu 1: Trình bày quá trình chuyển hóa nito trong đất và quá trình cố định nito phân tử?

Câu 2: Vì sao trồng cây họ đậu, keo tai tượng có thể cải tạo đất?

Câu 3: Cần làm thế nào để tăng năng suất cây trồng nhưng không ô nhiễm môi trường?

ĐÁP ÁN

Câu 1: Quá trình chuyển hóa nito trong đất và quá trình cố định nito phân tử:

a. Quá trình chuyển hóa nitơ trong đất nhờ các vi khuẩn:

Nito hữu cơ (chất hữu cơ) $\xrightarrow{\text{VK a môn hóa}}$ NH_4^+ $\xrightarrow{\text{VK nitrát hóa}}$ NO^-_3

b. Quá trình cố định nitơ trong khí quyển (nito phân tử).

- Nhờ vi khuẩn: vi khuẩn tự do (Azotobacter, Anabaena…) và vi khuẩn cộng sinh (Rhizobium, Anabaena azollae).
- Thực hiện trong điều kiện: Có lực khử mạnh, được cung cấp ATP, có sự tham gia của enzim nitrôgenaza, thực hiện trong điều kiện kị khí.

QT liên kết N_2 với H_2 tạoNH_3 gọi là quá trình cố định nitơ.

$$\overline{N} = N \xrightarrow{2H} NH = NH \xrightarrow{2H} NH_2 - NH_2 \xrightarrow{2H} NH_3$$

Câu 2: Vì sao trồng cây họ đậu, keo tai tượng có thể cải tạo đất?

Cây họ đậu, keo tai tượng là những loại cây có vi khuẩn cộng sinh cố định nito, cung cấp lượng lớn NH_4^+ cho đất, đồng thời như cây keo tai tượng có tốc độ sinh trưởng nhanh, độ che phủ cao.

Câu 3: Để tăng năng suất cây trồng nhưng không ô nhiễm môi trường cần:

Bón phân hợp lí, dựa trên cơ sở khoa học, tránh lãng phí thất thoát → tránh được ô nhiễm tài nguyên nước đất, không khí.

10. Đề kiểm tra 15 phút Sinh 11 số 10

TRƯỜNG THPT SÔNG LÔ **ĐỀ KIỂM TRA NĂM HỌC 2019-2020**

Môn: Sinh học – Lớp: 11

Ngày kiểm tra: Thời *gian làm bài: 15 phút, không kể phát đề*

Chọn và khoanh tròn vào đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Sinh sản vô tính ở thực vật là

A. hình thức sinh sản không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, con sinh ra khác cây mẹ.

B. hình thức sinh sản không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, con sinh ra giống nhau và giống cây mẹ.

C. hình thức sinh sản có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, con sinh ra giống nhau và giống cây mẹ.

D. hình thức sinh sản có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, con sinh ra từ một phần của cơ thể mẹ.

Câu 2: Những cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành là vì:

A. Dễ trồng và ít công chăm sóc.

B. Dễ nhân giống nhanh và nhiều.

C. Để tránh sâu bệnh gây hại.

D. Rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.

Câu 3: Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

A. Phục chế những cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.

B. Nhân nhanh với số lượnglớn cây giống và sạch bệnh.

C. Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.

D. Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền tạo nguồn nguyên liệu cho chọn giống.

Câu 4: Tự thụ phấn là:

A. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhuỵ của cây khác cùng loài.

B. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhuỵ của cùng một hoa hay khác hoa cùng một cây.

C. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với cây khác loài.

D. Sự kết hợp của tinh tử của cây này với trứng của cây khác.

Câu 5: Bộ nhiễm sắc thể của các nhân ở trong quá trình thụ tinh của thực vật có hoa như thế nào?

A. Nhân của giao tử n, của nhân cực 2n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nội nhũ 2n.

B. Nhân của giao tử n, của nhân cực 2n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nôi nhũ 4n.

C. Nhân của giao tử n, của nhân cực n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nôi nhũ 3n.

D. Nhân của giao tử n, của nhân cực 2n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nôi nhũ 3n.

Câu 6: Trong quá trình hình thành hạt phấn ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

A. 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.

B. 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

C. 1 lần giảm phân, 3 lần nguyên phân.

D. 1 lần giảm phân, 4 lần nguyên phân.

Câu 7: Thế nào là giâm cành?

A. Cho đoạn cành ra rễ trên cây mẹ rồi đem cắt xuống đất để phát triển thành cây mới.

B. Lấy cành ghép vào cây khác cho phát triển thành cây mới.

C. Là cách nhân giống trong ống nghiệm.

D. Cắt một cành có đủ chồi mắt cắm xuống đất ẩm cho ra rễ, phát triển thành cây mới.

Câu 8: Hạt được tạo thành do đâu?

A. Noãn sau khi bị thụ tinh. B. Bầu của nhụy.

C. Hợp tử sau khi thụ tinh. D. Phần còn lại của noãn sau khi thụ tinh.

Câu 9: Nuôi cấy tế bào và mô thực vật nhằm mục đích

A. Tăng sinh tế bào, mô của một phần cơ thể để tạo các chồi.

B. Tăng sinh tế bào, mô của một phần cơ thể để tạo cơ quan mới.

C. Làm cho từng tế bào đơn lẻ phát triển thành cây nguyên vẹn.

D. Thu được nhiều giống cây trồng mới.

Câu 10: Là thế nào cho quả chín chậm?

A. tăng hàm lượng CO_2 lên 10%, ức chế hô hấp quả chậm chín.

B. nhiệt độ thấp làm quả chậm chín.

C. nhiệt độ cao làm quả chậm chín.

D. Cả A, B đều đúng

www.eLib.vn